

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 07/4/2020

V/v “Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Tấn Nhân**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Thế Phong**.

2. Ông **Đỗ Thành Ngọc**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Quốc Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 310/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-DS ngày 12/3/2020 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T.**, sinh năm 1962 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 167, tổ 02, ấp Tân Định 1, xã Suối Đá, huyện DMC, tỉnh TN.

\* **Bị đơn:**

1. Bà **Hà Kim P.**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

2. Anh **Hà Ngọc M.**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Bà P., anh M. cùng địa chỉ: Số H459C, khu phố Long Đại, phường Long Thành Bắc, thị xã HT, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/10/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. trình bày:*

Ngày 04/5/2009, bà Hà Kim P. có mua của bà 01 xe mô tô hiệu Symen, số máy 44493, số khung 024493, màu đỏ đen, với số tiền là 10.500.000 đồng, đến nay bà P. chưa trả khoản tiền nào. Nay bà yêu cầu bà P. trả lại cho bà 10.500.000 đồng tiền mua xe và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/01/2009 (nhằm ngày 26/12/2008 âm lịch), bà có bán cho bà Hà Kim P. và anh Hà Ngọc M. 01 xe mô tô hiệu HUNDAJAPA, số máy: 309482, số khung: 309482, màu nâu, với số tiền là 7.000.000 đồng. Ngày 23/01/2009 (nhằm ngày 28/12/2008 âm lịch), bà P. và anh M. trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà P., anh M. trả lại cho bà 5.000.000 đồng tiền mua xe và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bà P., anh M. đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bà T. cung cấp được chứng cứ là 01 Giấy mua xe và cam kết ngày 21/01/2009, thể hiện bà T. có bán cho bà P., anh M. 01 xe mô tô hiệu HUNDAJAPA, với giá 7.000.000 đồng, trả trước 2.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng và 01 Hợp đồng mua xe trả góp ngày 04/5/2009, thể hiện bà T. có bán trả góp cho bà P. 01 xe mô tô hiệu Symen, với giá 10.500.000 đồng, trả góp mỗi tháng 500.000 đồng.

Căn cứ Điều 428, Điều 438, Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. đối với bà P., anh M.. Buộc bà P., anh M. có nghĩa vụ trả cho bà T. 5.000.000 đồng, buộc bà P. có nghĩa vụ trả cho bà T. 10.500.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Hợp đồng mua xe trả góp ngày 04/5/2009 thì bà Hà Kim P. có mua của bà Nguyễn Thị T. 01 xe mô tô, với giá tiền là 10.500.000 đồng, bà P. trả góp cho bà T. mỗi tháng 500.000 đồng và Giấy mua xe và cam kết ngày 21/01/2009 thì bà Hà Kim P. và anh Hà Ngọc M. có mua của bà Nguyễn Thị T. 01 xe mô tô, với giá tiền là 7.000.000 đồng, bà P., anh M. trả góp cho bà T. mỗi tháng 500.000 đồng, bà P. và anh M. trả cho bà T. được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng. Đến ngày 02/7/2019, bà T. mới có đơn khởi kiện và ngày 01/10/2019, bà T. có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà P., anh M. trả tiền mua xe còn nợ và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật thì đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán xe, bởi vì, căn cứ vào Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005, thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán xe là hai năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. bị xâm phạm. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Đòi lại tài sản”.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Hà Kim P. và anh Hà Ngọc M. đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T., bà P., anh M. theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Ngày 04/5/2009, bà Nguyễn Thị T. có bán cho bà Hà Kim P. 01 xe mô tô với giá tiền là 10.500.000 đồng, đến nay bà P. chưa trả khoản tiền nào. Nay bà T. yêu cầu bà P. trả lại cho bà T. 10.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/01/2009, bà T. có bán cho bà P. và anh Hà Ngọc M. 01 xe mô tô với giá tiền là 7.000.000 đồng. Ngày 23/01/2009, bà P. và anh M. trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng. Nay bà T. yêu cầu bà P. và anh M. trả lại cho bà T. 5.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T., thấy rằng:

Giữa bà T. với bà P. và giữa bà T. với bà P., anh M. có mua bán xe mô tô với nhau là có thật. Bởi vì, căn cứ vào Hợp đồng mua xe trả góp ngày 04/5/2009 thì bà P. có mua của bà T. 01 xe mô tô hiệu Symen, với giá tiền là 10.500.000 đồng, bà P. trả góp cho bà T. mỗi tháng 500.000 đồng và căn cứ vào Giấy mua xe và cam kết ngày 21/01/2009 thì bà P. và anh M. có mua của bà T. 01 xe mô tô hiệu HUNDAJAPA, với giá tiền là 7.000.000 đồng, bà P., anh M. trả góp cho bà T. mỗi tháng 500.000 đồng, bà P. và anh M. trả cho bà T. được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng. Do đó, bà T. khởi kiện yêu cầu bà P. trả lại cho bà 10.500.000 đồng, đồng thời bà T. khởi kiện yêu cầu bà P., anh M. trả lại cho bà 5.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tính tiền lãi, thấy rằng:

Do hai hợp đồng mua bán xe giữa bà T. với bà P. và giữa bà T. với bà P., anh M. đã hết thời hiệu khởi kiện và vụ án này quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi lại tài sản” nên yêu cầu tính tiền lãi của bà T. là không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T. đối với bà P. và một phần yêu cầu khởi kiện của bà T. đối với bà P., anh M.. Buộc bà P. có nghĩa vụ trả cho bà T. 10.500.000 đồng và buộc bà P., anh M. có nghĩa vụ trả cho bà T. 5.000.000 đồng.

[6]. Về án phí: Bà P. phải chịu 525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà P., anh M. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. đối với bà Hà Kim P. và một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. đối với bà Hà Kim P., anh Hà Ngọc M. về việc “Đòi lại tài sản”.

- Buộc bà Hà Kim P. có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T. số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng).

- Buộc bà Hà Kim P., anh Hà Ngọc M. có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T. số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bà T. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P., anh M. không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà P., anh M. còn phải trả cho bà T. số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

- Bà Hà Kim P. phải chịu 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hà Kim P., anh Hà Ngọc M. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T. 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0013650 ngày 02/7/2019 và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0008053 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh TN.

Bà T., bà P., anh M. có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÂM TẤN NHÀN**